



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, phường 15  
quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3840 6618; Fax: 08.3840 6616

Email: [vacohcm@vaco.com.vn](mailto:vacohcm@vaco.com.vn)

Website: [www.vaco.com.vn](http://www.vaco.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

---

Tháng 08 năm 2015



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch
Ông Phan Minh Sáng	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Phan Trung Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên
Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Minh Sáng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính-giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Phan Minh Sáng**  
**Tổng Giám đốc**

Cần Thơ, ngày 30 tháng 07 năm 2015



Số: 055/VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập ngày 30/07/2015 từ trang 04 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Hùng  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận ĐKHN số: 0294-2013-156-1

Nguyễn Mạnh Thắng  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận ĐKHN số: 1826-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho  
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015		01/01/2015	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>366.114.388.684</b>		<b>101.941.771.055</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>25.078.587.261</b>		<b>16.621.407.777</b>	
1. Tiền	111	5	25.078.587.261		16.621.407.777	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>234.145.946.945</b>		<b>57.075.000.000</b>	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		100.785.946.945		24.600.000.000	
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		133.360.000.000		32.475.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>44.637.692.454</b>		<b>17.585.293.912</b>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.691.976.890		19.574.003.759	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.720.566.649		3.272.349.740	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.201.368.835		715.160.333	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.976.219.920)		(5.976.219.920)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>53.764.600.233</b>		<b>8.842.084.388</b>	
1. Hàng tồn kho	141		53.764.600.233		8.842.084.388	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.487.561.791</b>		<b>1.817.984.978</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		342.460.975		-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.128.285.348		1.817.984.978	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		16.815.468		-	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>550.612.706.015</b>		<b>218.412.823.937</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.376.402.119</b>		<b>35.612.120.041</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	14.736.860.720		11.572.843.642	
- Nguyên giá	222		40.195.269.191		38.368.391.191	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.458.408.471)		(26.795.547.549)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.639.541.399		24.039.276.399	
- Nguyên giá	228		21.775.905.034		24.175.640.034	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136.363.635)		(136.363.635)	
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>9.490.344.520</b>		<b>9.490.344.520</b>	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.490.344.520		9.490.344.520	
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>504.745.959.376</b>		<b>173.310.359.376</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	504.745.959.376		173.310.359.376	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>916.727.094.699</b>		<b>320.354.594.992</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>80.812.048.027</b>	<b>39.211.740.592</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>78.377.648.027</b>	<b>39.211.740.592</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.451.164.927	1.042.450.375
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.287.493.973	1.909.008.383
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	10.334.879.619	3.768.804.398
4. Phải trả người lao động	314		1.856.972.708	1.628.196.380
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		253.481.656	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.165.868.199	338.642.474
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	57.720.742.691	27.946.806.828
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.307.044.254	2.577.831.754
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.434.400.000</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	2.434.400.000	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>835.915.046.672</b>	<b>281.142.854.400</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>835.915.046.672</b>	<b>281.142.854.400</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		738.240.420.000	158.129.150.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		738.240.420.000	158.129.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.356.308.798	3.666.797.196
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.350.353.698	93.561.046.502
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127.728.500	127.728.500
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.840.235.676	25.658.132.202
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.589.102.202	(35.898.442.389)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.251.133.474	61.556.574.591
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>916.727.094.699</b>	<b>320.354.594.992</b>



**Phan Minh Sáng**  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 30 tháng 07 năm 2015

**Trần Tấn Long Thạch**  
Kế toán trưởng

**Lê Đức Nhuận**  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	257.029.861.874	76.990.734.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		257.029.861.874	76.990.734.261
4. Giá vốn hàng bán	11	20	214.701.732.261	77.851.481.294
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		42.328.129.613	(860.747.033)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	17.206.356.298	10.527.331.146
7. Chi phí tài chính	22	23	1.551.218.784	1.482.377.741
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.531.767.206	1.482.377.741
8. Chi phí bán hàng	25	24	5.767.196.822	2.323.873.372
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.653.777.267	3.257.657.280
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		48.562.293.038	2.602.675.720
11. Thu nhập khác	31		2.283.078.736	289.331.305
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.283.078.736	289.239.105
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.845.371.774	2.891.914.825
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	7.594.238.300	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		43.251.133.474	2.891.914.825

Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởngLê Đức Nhuận  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>50.845.371.774</b>	<b>2.891.914.825</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	865.882.922	1.145.896.920
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(34.062.901.364)	-
- Chi phí lãi vay	06	(1.531.767.206)	1.432.577.090
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.116.586.126</b>	<b>5.470.388.835</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.626.758.348	10.668.466.249
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(44.922.515.845)	(25.456.403.713)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.530.602.481	31.795.499.529
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(342.460.975)	54.000.000
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	(76.185.946.945)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	1.069.685.497	(1.432.577.090)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.000.000.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(60.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(270.787.500)	(63.637.701)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(99.378.078.813)</b>	<b>20.975.736.109</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.029.900.000)	(2.799.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	456.363.636	-
3. Tiền chi cho vay	23	(456.600.000.000)	(18.484.351.871)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	355.715.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(331.435.600.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.084.604.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(435.894.136.364)</b>	<b>(13.402.547.870)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	511.521.058.798	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	180.796.930.953	63.792.189.960
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(148.588.595.090)	(75.181.709.557)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>543.729.394.661</b>	<b>(11.389.519.597)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>8.457.179.484</b>	<b>(3.816.331.358)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>16.621.407.777</b>	<b>8.822.859.683</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>25.078.587.261</b>	<b>5.006.528.325</b>



Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 07 năm 2015

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 11 ngày 11/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 06 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 738.240.420.000 đồng, tương đương 73.824.042 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông của Công ty như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	43.419.623	434.196.230.000	58,82%
Cổ đông khác	30.404.419	304.044.190.000	41,18%
<b>Cộng</b>	<b>73.824.042</b>	<b>738.240.420.000</b>	<b>100,00%</b>

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TSC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 26 người (tại ngày 31/12/2014 là 29 người).

**Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh****Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn gạo, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác (trừ thịt động vật thuộc danh mục cấm); Bán buôn đồ uống; Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày: khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...), dịch vụ phục vụ đồ uống và các dịch vụ ăn uống khác; Kinh doanh hoạt động xử lý hạt giống để nhân giống: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho - những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường; Kinh doanh hoạt động xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Các công ty con

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ vốn góp và lợi ích của Công ty</u>
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Long An	78,64%	78,64%
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Cần Thơ	95,45%	95,45%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Cần Thơ	75,00%	75,00%

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày cuối kỳ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2015 (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Miền Tây	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T và các công ty con	Bên góp vốn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	19.370.900	38.944.213
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.059.216.361	16.582.463.564
<b>Cộng</b>	<b><u>25.078.587.261</u></b>	<b><u>16.621.407.777</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THO**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 09a-DN

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh				
- Tổng giá trị cổ phiếu;	100.785.946.945	100.785.946.945	-	24.600.000.000
Chứng khoán niêm yết	52.185.946.945	52.185.946.945	-	24.600.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	48.600.000.000	48.600.000.000	-	-

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 30/06/2015 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính.

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngân hạn	133.360.000.000	133.360.000.000	32.475.000.000	32.475.000.000
- Các khoản hợp tác đầu tư				
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	504.745.959.376	-	504.745.959.376	173.310.359.376
- Đầu tư vào công ty con	504.745.959.376	-	504.745.959.376	173.310.359.376
<b>Cộng</b>				



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Công Ty HH TM Tín Phát Bằng Tường Quảng Tây	3.524.930.000	-
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	3.520.000.000
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	3.508.884.959
Các đối tượng khác	10.245.973.751	3.652.930.620
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
Công ty CP chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	8.892.188.180	8.892.188.180
	<u>29.691.976.890</u>	<u>19.574.003.759</u>

**8. NỢ QUÁ HẠN, KHÓ THU HỒI**

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
DNTN Trung Đông	3.520.298.545	-	3.520.298.545	-
Maxwill (ASIA) PTE LTD	3.508.884.959	1.052.665.488	3.508.884.959	1.052.665.488

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	53.764.600.233	-	8.842.084.388	-
Cộng	<u>53.764.600.233</u>	<u>-</u>	<u>8.842.084.388</u>	<u>-</u>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	30.051.892.117	5.834.077.074	2.482.422.000	38.368.391.191
- Mua trong năm	-	-	4.029.900.000	4.029.900.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.203.022.000)	(2.203.022.000)
Tại ngày 30/06/2015	<u>30.051.892.117</u>	<u>5.834.077.074</u>	<u>4.309.300.000</u>	<u>40.195.269.191</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	18.800.049.474	5.513.076.075	2.482.422.000	26.795.547.549
- Khấu hao trong năm	791.717.889	51.776.700	22.388.333	865.882.922
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.203.022.000)	(2.203.022.000)
Tại ngày 30/06/2015	<u>19.591.767.363</u>	<u>5.564.852.775</u>	<u>301.788.333</u>	<u>25.458.408.471</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	<u>11.251.842.643</u>	<u>321.000.999</u>	<u>-</u>	<u>11.572.843.642</u>
Tại ngày 30/06/2015	<u>10.460.124.754</u>	<u>269.224.299</u>	<u>4.007.511.667</u>	<u>14.736.860.720</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty đã sử dụng tài sản cố định là xe ô tô với giá trị là 4.029.000.000 đồng để thế chấp cho các khoản vay. Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 13.399.295.549 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 11.386.819.288 đồng).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền nhân thuộc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	24.039.276.399	136.363.635	24.175.640.034
- Thanh lý, nhượng bán	(2.399.735.000)	-	(2.399.735.000)
Tại ngày 30/06/2015	21.639.541.399	136.363.635	21.775.905.034
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	136.363.635	136.363.635
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	-	136.363.635	136.363.635
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	24.039.276.399	-	24.039.276.399
Tại ngày 30/06/2015	21.639.541.399	-	21.639.541.399

Quyền sử dụng đất của Công ty phần lớn là đất nông nghiệp với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp số 72,73/2014/VCBCT ngày 08/10/2014, số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015 để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với tổng trị giá 16.249 triệu đồng.

**12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn				
Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên	9.490.344.520	9.490.344.520	9.490.344.520	9.490.344.520

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Long An	78,64	78,64	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Cần Thơ	95,45	95,45	Chế biến nông sản
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Cần Thơ	75,00	75,00	Kinh doanh hạt giống

Theo báo cáo tài chính của các công ty con cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây, Công ty Cổ phần Hạt giống TSC và Công ty Cổ phần Nông dược TSC đều có lãi, và không có lỗ lũy kế. Vì thế, Công ty không xem xét lập dự phòng các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>01/01/2015</u>	<u>30/06/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>		
Thuế giá trị gia tăng được	1.817.984.978	8.128.285.348
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.815.468
<b>Cộng</b>	<u>1.817.984.978</u>	<u>8.128.285.348</u>
	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số thực nộp</b>
	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>
	<u>01/01/2015</u>	<u>30/06/2015</u>
<b>b) Phải nộp</b>		
Thuế giá trị gia tăng	-	119.649.403
Thuế thu nhập cá nhân	28.163.079	69.469.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.740.641.319	7.594.238.300
Tiền thuế đất		125.118.455
Các loại thuế khác		4.000.000
<b>Cộng</b>	<u>3.768.804.398</u>	<u>7.912.475.232</u>
	<u>(1.000.000.000)</u>	<u>10.334.879.619</u>
	<u>(125.118.455)</u>	<u>(4.000.000)</u>
	<u>(97.632.153)</u>	<u>-</u>
	<u>-</u>	<u>-</u>

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2015		Trong năm		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	57.112.142.691	57.112.142.691	177.753.930.953	(148.588.595.090)	27.946.806.828	27.946.806.828
Vay dài hạn đến hạn trả	608.600.000	608.600.000	608.600.000	-	-	-
	<u>57.720.742.691</u>	<u>57.720.742.691</u>	<u>178.362.530.953</u>	<u>(148.588.595.090)</u>	<u>27.946.806.828</u>	<u>27.946.806.828</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Công ty như sau:

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	43.219.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ Phần Nông Dược TSC	13.893.142.691	13.495.813.814
Phạm Văn Lợi	-	5.450.993.014
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	-	4.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả VPBank Trung Hoà Nhân Chính	608.600.000	-
<b>Cộng</b>	<u>57.720.742.691</u>	<u>27.946.806.828</u>

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ gồm các khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần với số dư là 37.500.000.000 VND và theo hợp đồng hạn mức với số dư là 5.719.000.000 VND. Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần dùng để thu mua tạm trữ thóc gạo vụ Đông Xuân 2014 – 2015 theo quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Khoản vay này được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất theo quyết định nêu trên. Khoản vay theo hợp đồng hạn mức có tổng hạn mức là 50.000.000.000 VND, được dùng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản khác. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản sau.

+ Tài sản thế chấp của bên vay: Quyền sử dụng đất tại Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp số 72,73/2014/VCBCT ngày 08/10/2014, số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015 để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với tổng trị giá 16.249 triệu đồng.

+ Tài sản bảo lãnh của bên thứ ba: Công ty CP Chế Biến Thực phẩm XK Miền Tây thế chấp tài sản gồm MMTB và xe trị giá 20.799 triệu đồng bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán trả nợ của TSC tại VCBCT theo HĐTC số 30/2015/VCBCT và 32/2015/VCBCT ngày 03/4/2015.

Khoản vay Công ty Cổ phần Nông dược TSC chịu lãi suất 5,5%/năm, nhằm bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2015		Trong năm		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	2.434.400.000	2.434.400.000	3.043.000.000	(608.600.000)	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.434.400.000</b>	<b>2.434.400.000</b>	<b>3.043.000.000</b>	<b>(608.600.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 21 tháng 5 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn 05 năm với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng, Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính với số tiền 3.043.000.000 VND. Khoản vay này dùng để mua sắm tài sản cố định, gốc vay sẽ được trả mỗi 03 tháng trong vòng 60 tháng, bắt đầu trả khoản vay đầu tiên từ ngày 21 tháng 08 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất 10,7%/năm và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	608.600.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.434.400.000	-
	<b>3.043.000.000</b>	<b>-</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	608.600.000	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>2.434.400.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÁN THO**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃ SỐ B 09-DN

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 31/12/2013	83.129.150.000	2.389.610.000	127.728.500	(3.807.416.804)	66.657.559.505	26.953.486.997	(48.367.814.890)	127.082.303.308
Phát hành cổ phiếu mới	75.000.000.000	-	-	-	-	-	-	75.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	61.556.574.592	61.556.574.592
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.277.187.196	-	3.807.416.804	-	-	-	5.084.604.000
Hoàn nhập cổ tức 2011	-	-	-	-	-	-	12.469.372.500	12.469.372.500
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>158.129.150.000</b>	<b>3.666.797.196</b>	<b>127.728.500</b>	-	<b>66.657.559.505</b>	<b>26.903.486.997</b>	<b>25.658.132.202</b>	<b>281.142.854.400</b>
Phân loại số dư đầu kỳ	-	-	-	-	26.903.486.997	(26.903.486.997)	-	-
Phát hành cổ phiếu mới	580.111.270.000	33.689.511.602	-	-	(91.210.692.804)	-	(11.069.030.000)	511.521.058.798
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	43.251.133.474	43.251.133.474
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2015</b>	<b>738.240.420.000</b>	<b>37.356.308.798</b>	<b>127.728.500</b>	-	<b>2.350.353.698</b>	-	<b>57.840.235.676</b>	<b>835.915.046.672</b>

Đơn vị: VND

Theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014 của Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 2 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua phương án chào bán cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ của Công ty từ 158.129.150.000 đồng lên 1.476.480.860.000 đồng. Theo đó, Công ty dự kiến chào bán 131.835.171 cổ phiếu với tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu) là 1.318.351.710.000 đồng, chia thành 2 đợt chào bán. Theo đó, trong kỳ Công ty đã thực hiện nghị quyết nêu trên bằng việc tiến hành phát hành cổ phần đợt 1 với số cổ phần phát hành thêm là 58.011.127 cổ phần, tương đương 580.111.270.000 VND vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 cho các cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 1.106.903 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2011 với tỷ lệ 7%. Loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 9.487.749 cổ phiếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 60%. Loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 31.625.830 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được quyền mua 02 cổ phiếu mới). Loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Chào bán cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ, nhân viên công ty: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 790.645 cổ phiếu chào bán cho cán bộ, nhân viên công ty. Loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 15.000.000 cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược. Loại cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành với mệnh giá là 12.500 đồng/cổ phiếu.

**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	73.824.042	15.812.915
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	73.824.042	15.812.915

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 738.240.420.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 158.129.150.000 VND). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

STT	Cổ đông	Tại ngày 30/06/2015		Tại ngày 31/12/2014	
		Số tiền	Tỉ lệ	Số tiền	Tỉ lệ
1	Công ty CP Đầu tư FIT	434.196.230.000	58,82%	102.805.000.000	65,01%
2	Cổ đông khác	304.044.190.000	41,18%	55.324.150.000	34,99%
	<b>Cộng</b>	<b>738.240.420.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>158.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại:**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngoại tệ USD	110.313,01	49.725,67
Ngoại tệ EUR	253,53	258,99

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	257.023.629.182	74.119.432.876
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.232.692	2.871.301.385
<b>Cộng</b>	<b>257.029.861.874</b>	<b>76.990.734.261</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

**Báo cáo tài chính**

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	214.701.732.261	77.538.226.773
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	313.254.521
<b>Cộng</b>	<b>214.701.732.261</b>	<b>77.851.481.294</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	238.349.680	89.353.729
Chi phí nhân công;	2.474.140.950	2.849.433.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	865.882.922	832.642.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	4.932.608.422	1.177.617.143
Chi phí khác bằng tiền.	909.992.115	632.483.672
<b>Cộng</b>	<b>9.420.974.089</b>	<b>5.581.530.652</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	168.542.702	1.105.409.779
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.096.839.417
Lãi do bán các khoản đầu tư	13.600.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	263.816.451	54.191.610
Lãi chậm thanh toán	-	270.890.340
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.173.997.145	-
<b>Cộng</b>	<b>17.206.356.298</b>	<b>10.527.331.146</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.531.767.206	1.482.377.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.451.576	-
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	10.000.002	-
<b>Cộng</b>	<b>1.551.218.784</b>	<b>1.482.377.741</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	727.068.272	1.382.765.378
Chi phí vật liệu, bao bì	153.475.150	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	56.446.944	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.631.172.723	941.107.994
Các khoản chi phí bán hàng khác	199.033.733	-
<b>Cộng</b>	<b>5.767.196.822</b>	<b>2.323.873.372</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi trả trợ cấp thôi việc		
Chi phí nhân viên	1.747.072.678	1.466.668.331
Chi phí vật liệu quản lý	2.767.273	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.660.313	89.353.729
Chi phí khấu hao TSCĐ	865.882.922	832.642.399
Thuế, phí và lệ phí	256.822.637	191.636.414
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.435.699	236.509.149
Các khoản chi phí QLDN khác	454.135.745	440.847.258
<b>Cộng</b>	<b>3.653.777.267</b>	<b>3.257.657.280</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50.845.371.774</b>	<b>2.891.914.825</b>
<i>Trong đó</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16.326.106.774	2.891.914.825
Lợi nhuận từ chuyển nhượng bất động sản	34.519.265.000	-
Chuyển lỗ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	(16.326.106.774)	(2.891.914.825)
Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh	-	-
Thu nhập chịu thuế của chuyển nhượng bất động sản	34.519.265.000	-
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.594.238.300</b>	<b>-</b>

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế. Một số khoản lỗ phát sinh từ năm 2012 và 2013 và được chuyển vào lợi nhuận các kỳ sau theo lịch biểu như sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số tiền	Số lỗ đã chuyển	Số còn được chuyển
		VND	VND	VND
2012	2013 - 2017	59.041.519.038	(59.041.519.038)	-
2013	2014 - 2018	15.912.479.045	(9.961.823.437)	5.950.655.608

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	60.155.142.691	27.946.806.828
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>25.078.587.261</u>	<u>16.621.407.777</u>
Nợ thuần	35.076.555.430	11.325.399.051
Vốn chủ sở hữu	<u>835.915.046.672</u>	<u>281.142.854.400</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>4,20%</u>	<u>4,03%</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.078.587.261	16.621.407.777
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.917.125.805	14.312.944.172
Đầu tư tài chính ngắn hạn	234.145.946.945	57.075.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	<u>504.745.959.376</u>	<u>173.310.359.376</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u>793.887.619.387</u>	<u>261.319.711.325</u>

**Công nợ tài chính**

Các khoản nợ thuê tài chính		
Các khoản vay	60.155.142.691	27.946.806.828
Phải trả người bán và phải trả khác	4.617.033.126	1.381.092.849
Chi phí phải trả	<u>253.481.656</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u>65.025.657.473</u>	<u>29.327.899.677</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.078.587.261	-	25.078.587.261
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.917.125.805	-	29.917.125.805
Đầu tư tài chính ngắn hạn	234.145.946.945	-	234.145.946.945
Đầu tư tài chính dài hạn	-	504.745.959.376	504.745.959.376
<b>Tổng cộng</b>	<b>289.141.660.011</b>	<b>504.745.959.376</b>	<b>793.887.619.387</b>
<b>Tại 30/06/2015</b>			
Các khoản vay	57.720.742.691	2.434.400.000	60.155.142.691
Phải trả người bán và phải trả khác	4.617.033.126	-	4.617.033.126
Chi phí phải trả	253.481.656	-	253.481.656
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.591.257.473</b>	<b>2.434.400.000</b>	<b>65.025.657.473</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>226.550.402.538</b>	<b>502.311.559.376</b>	<b>728.861.961.914</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.621.407.777	-	16.621.407.777
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.312.944.172	-	14.312.944.172
Đầu tư tài chính dài hạn	-	173.310.359.376	173.310.359.376
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.009.351.949</b>	<b>173.310.359.376</b>	<b>261.319.711.325</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Các khoản vay	27.946.806.828	-	27.946.806.828
Phải trả người bán và phải trả khác	1.381.092.849	-	1.381.092.849
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.327.899.677</b>	<b>-</b>	<b>29.327.899.677</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>58.681.452.272</b>	<b>173.310.359.376</b>	<b>231.991.811.648</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Trong năm, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận giữ lại với giá trị 105.946.520.000. Khoản phát hành thêm từ các nguồn này không được tính vào trong chỉ tiêu Tiền thu từ phát hành cổ phiếu.

Tiền lãi vay đã trả không bao gồm 462.081.709 VND là số chi phí lãi vay Công ty chưa thanh toán tại ngày 30/06/2015. Vì vậy, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tăng giảm các khoản phải trả.

**Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 180.796.930.953 VND

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 148.588.595.090 VND

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

\*Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày cuối kỳ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phan Minh Sáng**  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 30 tháng 07 năm 2015

**Trần Tấn Long Thạch**  
Kế toán trưởng

**Lê Đức Nhuận**  
Người lập biểu